TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25 -7-2022
V/v: "ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa***:** Bà Dương Bích Việt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Tân

Bà Phạm Thị Em

-**Thư ký phiên tòa**: Bà Lê Trần P T-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

-**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa**: Bà Võ Thị Huỳnh Nhung-Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 218/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55A/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:* Chị Tống Thị Hồng P, sinh năm 1993 (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Ngụ tại: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai

Nơi ở: thị trấn M, huyện N, tỉnh Đồng Nai

***Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Ngụ tại: ấp O, xã G, huyện L, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn, bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nguyên đơn chị Tống Thị Hồng P trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn vào năm 2019, tự nguyện, có D ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã O, huyện G, tỉnh Đồng Nai vào ngày 23/7/2019. Sau

khi kết hôn, vợ chồng không sống chung với nhau do anh T thường xuyên đi làm ăn xa, anh T thì sống ở Bến Tre còn chị sống ở Đồng Nai. Đến khoảng giữa năm 2021, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh T cũng không có về Đồng Nai thăm con nữa, vợ chồng mỗi người sống một nơi và không còn liên lạc hơn một năm nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T. Chị không có yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: vợ chồng có 01 đứa con chung là Nguyễn Tống Thiên D, sinh ngày 21/4/2019, hiện con đang sống với chị P. Khi ly hôn, chị P yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: vợ chồng không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng không có nợ chung.

Anh Nguyễn Văn T dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không tham gia tố tụng cũng như tại phiên họp công khai chứng cứ tại tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và ý kiến phát biểu về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán trong quá trình tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định về tố tụng; về phía đương sự thì nguyên đơn thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định, tuy nhiên bị đơn không chấp hành tốt theo sự triệu tập của Tòa án trong quá trình tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P. Chị P không có yêu cầu về cấp dưỡng vợ chồng khi ly hôn; về con chung: chị P được nuôi cháu Nguyễn Tống Thiên D, sinh ngày 21/4/2019, ghi nhận chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung: chị P khai không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ được xem xét tại phiên toà; căn cứ vào ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Tống Thị Hồng P có đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt phù hợp với quy định nên tòa xét xử vụ án vắng mặt chị P; bị đơn anh Nguyễn Văn T dù đã được tòa triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh T là đúng quy định pháp luật.

[2]Về nội dung:

[2.1]Về hôn nhân: Chị Tống Thị Hồng P và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn vào năm 2019, có D ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Hiệp, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo chị P trình bày thì sau khi kết hôn vợ chồng không sống chung với nhau do anh T thường đi làm ăn xa, vợ chồng mỗi người sống một nơi và hiện nay không còn liên lạc, chị P cũng không còn tình cảm với anh T.

Anh T dù được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không tham gia tố tụng tại tòa, đồng thời trong thời gian vợ chồng không sống chung, anh T và chị P cũng không tạo cơ hội để đoàn tụ, không có sự liên lạc chứng tỏ hai bên đã không còn quan tâm đến tình cảm vợ chồng. Qua xác minh về quan hệ hôn nhân và làm việc với người thân của chị P và anh T cho thấy anh chị mỗi người hiện sống một nơi, ai cũng có cuộc sống riêng, không còn quan tâm nhau, anh T cũng không tìm P cách hàn gắn tình cảm vợ chồng dù biết việc ly hôn của vợ. Điều này cho thấy đời sống hôn nhân của vợ chồng chị P và anh T không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, quyền và nghĩa vụ của vợ chồng không được đảm bảo. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P đối với anh T là có cơ sở, phù hợp quy định pháp luật. Chị P và anh T không có yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn trong vụ án nên không xem xét.

[2.2]Về nuôi con chung: Chị P và anh T có 01 con chung là Nguyễn Tống Thiên D, sinh ngày 21/4/2019 hiện đang sống với chị P ở Đồng Nai. Chị P yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Xét thấy cháu D hiện tại đang sống với mẹ được ổn định, chị P hiện cũng có công việc và thu thập để nuôi con, cháu D cũng còn nhỏ, mới hơn 03 tuổi, anh T cũng không có yêu cầu được nuôi con. Vì vậy, để chị P được nuôi con là phù hợp. Chị P không có yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của chị P nên ghi nhận.

[2.3]Về tài sản chung: Chị P trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không xem xét.

[2.4]Về nợ chung: Chị P trình bày vợ chồng không có nợ chung nên không xét đến.

[3]Về án phí: Nguyên đơn chị Tống Thị Hồng P chịu theo quy định.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Tống Thị Hồng P đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T.

Chị Tống Thị Hồng P được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Các đương sự không có yêu cầu về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét.

2.Về nuôi con chung: Chị Tống Thị Hồng P được nuôi con chung là cháu Nguyễn Tống Thiên D, sinh ngày 21/4/2019. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì quyền lợi của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau này.

3.Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét.

4.Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Tống Thị Hồng P phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006439 ngày 26/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre. Chị P đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt theo quy định.

***Nơi nhận*:**
-Các đương sự;
-TAND tỉnh Bến Tre;
-VKSND huyện Châu Thành;
-Chi cục THADS huyện Châu Thành;
-UBND xã Xuân Hiệp, Xuân Lộc, Đồng Nai;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

\

Dương Bích Việt